

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17/6/2024

V/v Xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiệt

Bà Trần Thị Tuyết Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Bà Lê Thị Xuân Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Anh **Huỳnh Ngọc T1**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2024 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Qua quen biết chị T và anh Huỳnh Ngọc T1 tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 02, ngày 05/02/1998 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mỗi người tự lo cho bản thân, anh T1 không lo cho vợ con mà bỏ mặc chị T tự lo cho các con chung, anh T1 cũng không đưa sinh hoạt phí gia đình cho chị mà chị phải tự đi làm kiếm tiền lo cho cả gia đình, bản thân chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không được. Anh T1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 03/2023 đến nay, từ lúc anh T1 về nhà cha mẹ ruột chị T có liên hệ nói chuyện muốn anh T1 quay trở về với vợ con nhưng anh T1 không đồng ý.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc T1.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Khánh V, sinh ngày 06/7/2001, Huỳnh Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 19/7/2008, Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 03/02/2013. Cháu V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và cháu K, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Ngọc T1 vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Huỳnh Ngọc T1 vắng mặt tại phiên xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc T1

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 19/7/2008, Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 03/02/2013 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Ngọc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Huỳnh Ngọc T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 02, ngày 05/02/1998 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Chị T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh T1 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh T1 không chăm lo cho cuộc sống gia đình mà bỏ mặc chị tự lo cho con chung, anh T1 cũng không đưa sinh hoạt phí cho chị mà mỗi người tự lo cho bản thân. Anh T1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 03/2023 đến nay, chị T đã cố gắng liên lạc để hàn gắn nhưng anh T1 không đồng ý.

Xét thấy anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử. Quá trình xác minh tại địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ do chị T và anh T1 không có trình báo. Tòa án đã triệu tập anh T1 nhiều lần nhưng anh T1 đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện anh T1 không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 và kiên quyết ly hôn, chị và anh T1 cũng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 là có cơ sở. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 có 03 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Khánh V, sinh ngày 06/7/2001, Huỳnh Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 19/7/2008, Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 03/02/2013. Cháu V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét cháu N và cháu K đã được chị T chăm sóc và nuôi dưỡng từ thời điểm chị và anh T1 ly thân đến nay. Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

đến giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do, cũng như không có ý kiến trình bày về yêu cầu nuôi con chung của anh gửi đến Tòa án. Tại Biên bản làm việc ngày 29/3/2024 cháu N và cháu K có nguyện vọng được sống chung với chị T. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu N và cháu K cũng như dựa trên nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N và cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc T1.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 19/7/2008, Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 03/02/2013 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con

Anh Huỳnh Ngọc T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000752 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mai Ka